

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25-7-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tạo

Ông Hà Văn Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Hóc D, sinh năm 1962 **(có mặt)**.

Địa chỉ thường trú: Số M đường M, khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ số T đường N, khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Trần Kim H, sinh năm 1965 **(có mặt)**.

Địa chỉ thường trú: Số M đường M, khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số T đường M, khóm H, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 05 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Tô Hóc D trình bày:

Ông và bà Trần Kim H tự nguyện sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số I/2007, ngày 12/4/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng vì bên vợ xem thường ông là người ăn bám và bên gia đình ông cũng không chấp nhận mối quan hệ hôn nhân này. Ngoài ra, trong cuộc sống giữa ông và bà H còn mâu thuẫn về tài chính, bà H thường xuyên đi nói chuyện vợ chồng ông với những người khác bên ngoài, ông không đồng ý. Ông và bà H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Hiện nay ông và bà H không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống riêng. Quá trình chung sống ông và bà H không có con chung, không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Ông và người vợ trước tên Nguyễn Thị Cẩm H (đã chết do bị tai nạn giao thông) có 03 người con riêng gồm: Tô Hoàng T (đã chết), Tô Hoàng H, sinh năm 1988 và Tô Ngọc H, sinh năm 1992 hiện nay cháu H và cháu H đã lập gia đình và đều có cuộc sống riêng.

Hiện tại ông không còn tình cảm với bà H, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Kim H.

Về con chung: Ông Tô Hóc D tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tô Hóc D tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 6 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Kim H trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Tô Hóc D về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân. Về thời gian phát sinh mâu thuẫn thì bà không thống nhất. Mâu thuẫn giữa bà và ông D chỉ mới phát sinh năm 2019 chứ không phải phát sinh từ năm 2016, mâu thuẫn chủ yếu là về tài chính. Ngoài ra, gia đình bà thấy bà sống không hạnh phúc nên bên vực bà vì vậy giữa ông D và gia đình bà cũng có mâu thuẫn với nhau. Năm 2019 khi bà đi về cúng thanh minh ở Vĩnh Long thì ông D dọn đồ ra ngoài ở và đi đi về về không có thời gian ở nhà thường xuyên nữa và có khi ông D ngủ ở ngoài không có về nhà ngủ. Khi cưới gia đình cha mẹ hai bên cho vợ chồng bà được 08 chỉ vàng nên bà có gửi vàng cho mẹ ruột bà giữ. Nhưng sau đó bà có bán 07 chỉ vàng để ông D làm ăn. Theo bà

nguyên nhân ông D làm đơn khởi kiện ly hôn với bà là do ông D có người phụ nữ khác bên ngoài nên tính tình ông D thay đổi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay bà và ông D đã sống ly thân với nhau. Quá trình chung sống bà và ông D không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Ngoài ra, ông D và người vợ trước có ba người con riêng như ông D trình bày là đúng.

Nay ông Tô Hóc D kiên quyết xin ly hôn thì bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông D.

Về con chung: Bà Trần Kim H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Kim H tự khai không có Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hóc D, về quan hệ hôn nhân của bà Trần Kim H và ông Tô Hóc D không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà H, ông D chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân giữa ông D và bà H không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống và mâu thuẫn về tài chính. Tại tòa ông D xác định không còn tình cảm với bà H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc và kiên quyết xin ly hôn với bà H. Bà H không đồng ý ly hôn với ông D vì vẫn còn tình cảm với ông D. Nhưng tại phiên tòa bà H không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm với ông D. Đồng thời, từ tháng 4 năm 2019 đến nay ông D và bà H đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà H.

[2] Về con chung: Ông Tô Hóc D và bà Trần Kim H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tô Hóc D và bà Trần Kim H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tô Hóc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Tô Hóc D và bà Trần Kim H.

2. Về con chung: Ông Tô Hóc D và bà Trần Kim H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tô Hóc D và bà Trần Kim H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tô Hóc D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007707 ngày 10/5/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Ông Tô Hóc D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Trần Kim H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyên